

## KẾT LUẬN

### Thanh tra hoạt động thu, chi tài chính và các khoản huy động xã hội hóa tại trường THPT Tĩnh Gia 2, tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định thanh tra số 269/QĐ-TTTH ngày 16/01/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh về thanh tra hoạt động thu, chi tài chính và các khoản huy động xã hội hóa đối với các trường THPT: Lê Lai, Tĩnh Gia 2 và Lê Văn Huru, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ báo cáo kết quả của Đoàn thanh tra, báo cáo giải trình của đơn vị, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo kết luận thanh tra. Chánh thanh tra tỉnh kết luận:

#### A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trường THPT Tĩnh Gia 2 (Nhà trường) được thành lập năm 1967 theo Quyết định số 464/TCDC/QĐ ngày 09/3/1967 của Chủ tịch UBHC tỉnh Thanh Hóa. Trong những năm gần đây với sự nỗ lực cố gắng của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; sự quan tâm của Ngành; ủng hộ của nhân dân, chính quyền địa phương chất lượng giáo dục của Nhà trường ngày càng được nâng lên; cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục được đầu tư, sửa chữa, bổ sung cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học trong giai đoạn hiện nay. Nhà trường được Chủ tịch nước tặng huân chương lao động hạng Ba năm 1997, hạng Nhì năm 2007. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT hàng năm của Nhà trường luôn đạt từ 99% trở lên. Tại thời điểm thanh tra, tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của Nhà trường là 77 người (trong đó: 03 cán bộ quản lý, 69 giáo viên và 05 nhân viên) với 33 lớp và 1439 học sinh.

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên với mức tự chủ từ 10%-30% giai đoạn từ năm 2022-2025 theo Quyết định 2584/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

#### B. KẾT QUẢ THANH TRA

##### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, BAN HÀNH VĂN BẢN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THU-CHI TÀI CHÍNH TRONG NHÀ TRƯỜNG.

Hàng năm, trên cơ sở các quy định của Nhà nước, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục & Đào tạo (Sở GD&ĐT), tỉnh đoàn, Hội khuyến học tỉnh, Hội chữ thập đỏ tỉnh... Đầu năm học, Nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt để phân công nhiệm vụ quản lý và thống nhất kế hoạch triển khai các hội nghị đầu năm học và các khoản thu trong năm, ban hành

các khoản thu trong năm học<sup>1</sup>. Các khoản thu trong năm học được công khai<sup>2</sup> đến toàn thể giáo viên, phụ huynh và học sinh trong toàn trường thông qua Hội nghị phụ huynh đầu năm học và được dán trên bảng tin của nhà trường.

*Qua kiểm tra cho thấy:* Thông báo các khoản thu đầu năm chưa dẫn chiếu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường.

## **II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU, CHI TÀI CHÍNH**

### **1. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ**

Hàng năm, Nhà trường ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ để quản lý, sử dụng nguồn kinh phí Nhà nước cấp, nguồn kinh phí từ các khoản thu học phí, học thêm và các nguồn kinh phí khác trong nhà trường đúng mục đích, có hiệu quả, thực hành tiết kiệm. Việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ được thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức người lao động hàng năm, cụ thể:

- Quyết định 01/QĐ-THPTTG2 ngày 02/02/2021 của Hiệu trưởng Trường PTTH Tĩnh Gia 2 về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021;

- Quyết định 01/QĐ-THPTTG2 ngày 02/02/2022 của Hiệu trưởng Trường PTTH Tĩnh Gia 2 về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022;

- Quyết định 01/QĐ-TTG2 ngày 01/01/2023 của Hiệu trưởng Trường THPT Tĩnh Gia 2 về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023;

- Quyết định 01/QĐ-TG2 ngày 02/02/2024 của Hiệu trưởng Trường THPT Tĩnh Gia 2 về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024;

- Quyết định 153/QĐ-TG2/2025 ngày 24/10/2025 của Hiệu trưởng Trường THPT Tĩnh Gia 2 về ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

*Qua kiểm tra cho thấy:* Nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ còn áp dụng những văn bản đã hết hiệu lực<sup>3</sup>; chưa quy định việc trích lập và sử dụng các quỹ<sup>4</sup>; quy định sử dụng kinh phí tiết kiệm được chưa đúng theo hướng dẫn tại

<sup>1</sup> Kế hoạch 83/KH - THPTTG2 ngày 04/9/2021 V/v thực hiện các khoản thu, chi năm học 2021 - 2022 và Thông báo 84/TB-THPTTG2 ngày 13/9/2021 V/v thực hiện các khoản thu năm học 2021-2022; Kế hoạch số 56/KH - THPTTG2 ngày 20/9/2022; Thông báo số 57/TB-THPTTG2 ngày 22/9/2022 V/v thực hiện các khoản thu năm học 2022-2023; Kế hoạch 122/KH-THPTTG2 ngày 01/10/2024; Thông báo 123/TB-THPTTG2 ngày 01/10/2024 V/v thực hiện các khoản thu năm học 2024-2025; Kế hoạch 113/KH - THPTTG2 10/9/2025 V/v thực hiện các khoản thu, chi năm học 2025 - 2026.

<sup>2</sup> QĐ số 145/QĐ-THPTTG2 ngày 10/10/2021 v/v công bố công khai các khoản thu đầu năm học 2021-2022; QĐ số 169/QĐ-THPTTG2 ngày 20/09/2022 v/v công bố công khai các khoản thu đầu năm học 2022-2023; QĐ số 156/QĐ-THPTTG2 ngày 07/10/2023 v/v công bố công khai các khoản thu đầu năm học 2023-2024; QĐ số 179/QĐ-THPTTG2 ngày 30/9/2024 v/v công bố công khai các khoản thu đầu năm học 2024-2025; QĐ số 114/QĐ-THPTTG2 ngày 30/9/2025 v/v công bố công khai các khoản thu đầu năm học 2025-2026.

<sup>3</sup> Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 quy định chế độ công tác phí, chi phí tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định 1060/2011/QĐ-UBND ngày 06/4/2011 của UBND tỉnh quy định chế độ công tác phí, hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết sử dụng vốn nhà nước để mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập ... (quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025).

<sup>4</sup> Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Khi xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, Nhà trường chưa có ý kiến thống nhất của tổ chức Công đoàn nhà trường; chưa báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (Sở GD&ĐT) trước khi ban hành là chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính.

## **2. Việc lập, phân bổ, giao dự toán Ngân sách và tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước**

Nhà trường căn cứ quy định Luật NSNN năm 2015; Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP; Thông tư 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN và các văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính. Nhà trường đã lập dự toán hàng năm và được Sở Tài chính thẩm định dự toán đối với các nguồn thu từ NSNN cấp, nguồn thu học phí và các nguồn thu khác để có cơ sở thực hiện.

## **3. Việc trích lập kinh phí cải cách tiền lương, các quỹ theo quy định**

Nhà trường căn cứ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ để trích nguồn cải cách tiền lương và trích lập các quỹ (*Có biểu chi tiết kèm theo*).

*Qua kiểm tra cho thấy:*

- Nhà trường chưa thực hiện trích lập đầy đủ nguồn cải cách tiền lương và trích lập các quỹ chưa đúng quy định theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; chưa theo dõi và hạch toán nguồn cải cách tiền lương đầy đủ trên tài khoản 468. Nguồn cải cách tiền lương qua các năm Nhà trường còn phải trích lập số tiền 8.313.518 đồng.

- Nhà trường sử dụng Quỹ phúc lợi để chi cho một số nội dung chưa phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 18 và khoản 2 Điều 14 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ như: Thanh toán tiền quà cho Ban chấp hành hội CMHS, Chi lương bảo vệ....

## **4. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước**

Trong 05 năm từ năm 2021 đến năm 2025 Nhà trường có doanh thu từ hoạt động trông giữ xe với số tiền 369.220.000 đồng (năm 2021: 94.520.000 đồng; năm 2022: 96.400.000 đồng; năm 2024: 88.700.000 đồng và năm 2025: 89.600.000 đồng) nhưng chưa thực hiện việc kê khai và nộp thuế với tổng số tiền 36.922.000 đồng (gồm: Thuế GTGT số tiền 18.461.000 đồng và Thuế TNDN số tiền 18.461.000 đồng). Chánh thanh tra đã có Quyết định thu hồi số tiền trên về tài khoản chờ xử lý của Thanh tra tỉnh. Đơn vị đã nộp đủ.

# **III. CÔNG TÁC NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN, THỰC HIỆN CÔNG KHAI VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **1. Việc mở sổ sách kế toán, quản lý chứng từ kế toán**

Nhà trường đang áp dụng phần mềm kế toán MISA để thuận lợi cho công tác hạch toán kế toán. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được ghi nhận chính xác, đầy đủ và kịp thời. Kế toán nhà trường đã thiết lập hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán tương đối đầy đủ theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

*Qua kiểm tra cho thấy:* Hàng năm nhà trường lưu trữ sổ kế toán trên phần mềm kế toán mà chưa in sổ kế toán tổng hợp ra bản giấy và lưu trữ theo quy định khoản 5 điều 5 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và khoản 3, phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

## **2. Việc kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước**

Các khoản chi Ngân sách nhà nước đều được kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước, đảm bảo chi đúng dự toán và đúng chế độ quy định của pháp luật.

## **3. Việc lập báo cáo tài chính và thực hiện công khai tài chính hàng năm**

Nhà trường lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm đúng chế độ và kịp thời đúng theo quy định. Nhà trường đã thực hiện công khai tài chính tại hội nghị cán bộ, viên chức người lao động hàng năm đối với dự toán được giao, dự toán giao bổ sung, phân bổ dự toán; theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Công khai các khoản thu chi ngoài ngân sách theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 và Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

\* *Qua kiểm tra cho thấy:* Nhà trường chưa thực hiện công khai báo cáo tài chính theo quý, 6 tháng; chưa thực hiện công khai tài chính qua cổng thông tin điện tử theo quy định tại Điều 3, Điều 5, Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách.

# **IV. THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ THU, CHI CÁC KHOẢN TÀI CHÍNH TRONG NHÀ TRƯỜNG**

## **1. Các khoản thu Ngân sách Nhà nước**

Nhà trường chi ngân sách cơ bản đảm bảo theo dự toán được giao, đúng định mức, chế độ tiêu chuẩn nhà nước và theo quy chế chi tiêu nội bộ đồng thời được kiểm soát qua kho bạc nhà nước (*Có biểu chi tiết kèm theo*), tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại:

- Nhà trường chưa kịp thời rà soát, điều chỉnh giảm dự toán tương ứng với tình hình biến động nhân sự và nhu cầu thực tế của đối tượng được hưởng chính sách dẫn đến việc rút dự toán vượt quá nhu cầu chi thực tế, cụ thể:

+ Năm 2021: Kinh phí giảm so với dự toán số tiền 167.070.800, bao gồm: Kinh phí tiết kiệm giảm theo Quyết định 3866/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh: 26.000.000 đồng và số tiền 141.070.800 đồng phải nộp hoàn trả

NSNN (gồm: kinh phí giảm do giảm biên chế: 97.624.800 đồng và rút thừa kinh phí miễn giảm học phí số tiền 43.446.000 đồng phải nộp hoàn trả NSNN). Nhà trường đã nộp trả NSNN số tiền trên.

+ Năm 2022: Kinh phí giảm trong năm: 201.405.000 đồng (gồm: đã nộp NSNN kinh phí giảm năm 2021: 141.070.000 đồng; chưa nộp hoàn trả NSNN rút thừa: 60.335.000 đồng (bao gồm: Tiền cấp bù học phí: 53.585.000 đồng; hỗ trợ chi phí học tập: 4.500.000 đồng; kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật: 2.250.000 đồng). Nhà trường đã nộp trả NSNN số tiền trên.

+ Năm 2023: Kinh phí giảm so với dự toán số tiền 200.388.000 đồng, bao gồm: 198.563.000 đồng do giảm biên chế và rút thừa kinh phí miễn giảm học phí số tiền 1.825.000 đồng phải nộp hoàn trả NSNN. Tại thời điểm thanh tra, nhà trường đã nộp trả NSNN số tiền 1.825.000 đồng; chưa nộp trả NSNN kinh phí giảm do giảm biên chế số tiền 198.563.000 đồng.

+ Năm 2024: Kinh phí giảm trong năm: 70.430.000 đồng (gồm: kinh phí giảm do giảm biên chế năm 2024 Nhà trường đã chi vào đầu năm phải hoàn trả NSNN: 10.430.000 đồng. Kinh phí tiết kiệm 5%: 60.000.000 đồng). Tại thời điểm thanh tra Nhà trường chưa nộp hoàn trả NSNN số tiền trên.

+ Năm 2025: Kinh phí giảm trong năm 310.575.833 đồng (gồm: kinh phí giảm biên chế năm 2025: 143.086.281 đồng; kinh phí còn dư tại KBNN bao gồm: Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024: 11.995.002 đồng; cấp bù học phí 17.887.500 đồng; hỗ trợ chi phí học tập 19.500.000 đồng, Học sinh khuyết tật 15.456.000 đồng; kinh phí tổ chức thi tốt nghiệp THPT 30.597.707 đồng; kinh phí ôn thi tốt nghiệp: 93.343 đồng; kinh phí tiết kiệm 10%: 72.000.000 đồng). Tại thời điểm thanh tra, đã hủy dự toán số tiền 54.346.052 đồng, Chuyển nguồn năm 2026 số tiền 184.229.781 đồng (gồm: kinh phí giảm biên chế năm 2025: 143.086.281 đồng; Kinh phí cấp bù học phí 17.887.500 đồng; Học sinh khuyết tật 15.456.000 đồng và kinh phí hỗ trợ chi phí học tập 7.800.000 đồng).

- Kiểm tra chứng từ cho thấy: Có một số khoản thanh toán cho cá nhân, Nhà trường thanh toán bằng tiền mặt là chưa đúng theo quy định Điều 6 Thông tư 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống kho bạc Nhà nước và khoản 1, Điều 29 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; Kiểm tra một số hồ sơ mua sắm, sửa chữa tài sản: Nhà trường chưa tuân thủ đầy đủ, trình tự theo quy định của Luật Đấu thầu 2013 và Luật Đấu thầu 2023 như: Chưa đăng tải thông tin đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia<sup>5</sup>, chưa thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu<sup>6</sup>.

## **2. Các khoản thu theo quy định của Nhà nước**

### **2.1. Thu học phí**

<sup>5</sup> Điều 8 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 và Điều 7 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

<sup>6</sup> Khoản 1 Điều 37 Luật Đấu thầu 2013 và khoản 1 Điều 38 Luật Đấu thầu năm 2023.

Nhà trường thực hiện mức thu học phí đảm bảo theo đúng quy định<sup>7</sup>. Việc quản lý và sử dụng học phí cơ bản đúng theo quy định tại Điều 14 Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Điều 13 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; Giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Điều 13 Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ về quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (*Có biểu chi tiết kèm theo*).

*Qua kiểm tra cho thấy:* Một số khoản chi cho cá nhân, Nhà trường chi bằng tiền mặt là chưa đúng theo quy định Điều 6 Thông tư 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính và khoản 1, Điều 29 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018.

## **2.2. Bảo hiểm y tế**

Căn cứ vào Luật Bảo hiểm y tế, Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và các Văn bản hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội (BHXH) thị xã Nghi Sơn<sup>8</sup>, Nhà trường tổ chức triển khai thu BHYT của học sinh và nộp lên BHXH thị xã Nghi Sơn theo quy định.

*Qua kiểm tra cho thấy:* Việc thu và nộp tiền BHYT của học sinh cơ bản đảm bảo quy định. Tuy nhiên, Nhà trường lập danh sách tổng hợp học sinh tham gia BHYT các năm học chưa đúng mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020 của BHXH Việt Nam; Hàng năm Nhà trường chưa lập báo cáo quyết toán kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu (số tiền được BHXH thị xã Nghi Sơn trích lại) gửi cơ quan BHXH thị xã Nghi Sơn (nay là BHXH cơ sở

<sup>7</sup> Nghị quyết 287/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa từ năm học 2022-2023 đến hết năm học 2025-2026; Nghị quyết 21/2024/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi mức thu học phí từ năm học 2023-2024 đến năm học 2025-2026; Công văn 2448/SGDĐT-KHTC ngày 10/08/2020 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn triển khai, thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách trong các trường học năm học 2020-2021; Công văn 2615/SGDĐT-KHTC ngày 21/9/2021 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách trong các trường học năm học 2021-2022; Công văn 2516/SGDĐT-KHTC ngày 16/9/2022 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn triển khai, thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục công dân năm học 2022-2023; Công văn 2891/SGDĐT-KHTC ngày 11/9/2023 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn triển khai, thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2023-2024; Công văn 2873/SGDĐT-KHTC ngày 18/9/2023 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn triển khai, thực hiện tạm thu học phí trong cơ sở giáo dục công lập năm học 2023-2024; Công văn số 2671/SGDĐT-KHTC ngày 27/8/2024 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024 – 2025; Công văn 3279/SGDĐT-KHTC ngày 09/9/2025 của GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập, năm học 2025-2026.

<sup>8</sup> Công văn số 02/BHXH-BPT ngày 05/9/2022 của BHXH thị xã Nghi Sơn V/v hướng dẫn thực hiện công tác BHYT học sinh, năm học 2022-2023 và Công văn số 1599/BHXH-QLTST ngày 16/8/2024 V/v hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2024-2025.

Tĩnh Gia) là không đúng theo quy định khoản 3 điều 34 Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ.

### **3. Các khoản thu dịch vụ, thỏa thuận trong nhà trường**

#### **3.1. Thu trông giữ phương tiện giao thông**

- Khoản thu từ trông giữ phương tiện giao thông được nhà trường thông báo trong các khoản thu đầu năm. Mức thu đúng quy định theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và các văn bản hướng dẫn của Sở giáo dục (*Có biểu chi tiết kèm theo*). Nhà trường đã mở sổ theo dõi nguồn thu, chi; Lập chứng từ thu, chi đúng theo quy định.

*Qua kiểm tra cho thấy:*

- Năm 2021, 2025 và một phần thu từ gửi xe năm 2024: Nhà trường chưa gửi tiền mặt thu được từ nguồn thu gửi xe vào tài khoản tài khoản ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước là chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính.

- Năm 2021: Chi tiền làm mới nhà xe học sinh số tiền 91.924.000 đồng (chi bằng tiền mặt) là không đúng quy định tại Điều 6 Thông tư 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính và khoản 1, Điều 29 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; Công tác đấu thầu chưa tuân thủ Luật đấu thầu 2013: Chưa phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; chưa đăng tải thông tin về đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Nhà trường đang dùng nguồn kinh phí trông giữ xe để chi trả cho: Lương nhân viên hành chính (tháng 8/năm 2024) và lương bảo vệ là không đúng theo hướng dẫn tại các văn bản của Sở GD&ĐT về hướng dẫn triển khai, thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập trong các năm học.

- Trong 05 năm từ năm 2021 đến năm 2025 Nhà trường có doanh thu từ hoạt động trông giữ xe với số tiền 369.220.000 đồng nhưng chưa thực hiện việc kê khai và nộp thuế với số tiền 36.922.000 đồng. Chánh thanh tra tỉnh đã ra Quyết định thu hồi số tiền trên.

#### **3.2. Thu nước uống, số liên lạc điện tử, học phẩm thi, kiểm tra**

Nhà trường thực hiện mức thu và sử dụng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Sở GD&ĐT; Hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ để phục vụ học sinh. Nhà trường mở sổ theo dõi thu, chi; lập chứng từ thu, chi theo quy định, tuy nhiên có một số hồ sơ thanh toán kèm chứng từ chi chưa đầy đủ chữ ký, hồ sơ kèm theo theo quy định theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (*Có biểu chi tiết kèm theo*).

### **4. Thu dạy thêm, học thêm**

Nhà trường thực hiện thu, chi tiền dạy thêm, học thêm (DTHT) theo quy định của Nghị quyết số 286/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá; Hướng dẫn số 2448/SGDĐT-KHTC ngày 10/8/2020 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn triển khai, thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách trong các trường học năm học 2020-2021 và Hướng dẫn số 2516/SGDĐT-KHTC ngày 16/9/2022 của

Sở GD&ĐT về hướng dẫn triển khai, thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2022 – 2023, mức chi tiền dạy thêm, học thêm được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ (*Có biểu chi tiết kèm theo*).

*Qua kiểm tra cho thấy:*

Nhà trường chưa gửi tiền thu được từ DTHT vào tài khoản ngân hàng và Kho bạc Nhà nước là chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính; Việc chi trả tiền DTHT cho giáo viên trực tiếp giảng dạy nhà trường thực hiện chi trả bằng tiền mặt là chưa đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 29, Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018.

Chi tăng cường cơ sở vật chất chưa đủ mức tối thiểu 5% theo hướng dẫn tại Công văn số 2516/SGDDĐT-KHTC ngày 16/9/2022 của Sở GD&ĐT (cụ thể: Năm 2022: 55,502,000đồng (1,6%); Năm 2023: 34,014,687đồng (0.5%); Năm 2024: 89,342,049 đồng (2%); Năm 2025: không chi tăng cường CSVC); Một số khoản chi phục vụ nghiệp vụ chuyên môn chưa được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường như: chi phí thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2022- 2023; chúc mừng Đại hội Đoàn trường; viếng đám hiếu; làm thêm giờ; chấm bài thi; phí thi nghề phổ thông...; Một số chứng từ thanh toán thiếu bảng kê mua hàng hoá; thiếu tờ trình xin kinh phí, thiếu biên bản kiểm tra hiện trạng; thiếu giấy báo giá chưa đúng theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Nhà trường đã ban hành Quyết định công khai mức, thu chi tiền DTHT các năm học<sup>9</sup> niêm yết tại bảng tin nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử. Tuy nhiên, thời điểm công khai thu, chi tiền DTHT chưa đúng theo quy định tại Điều 8, Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT và Điều 15 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

### **5. Các khoản thu của tổ chức, đoàn thể liên quan đến học sinh**

Việc thực hiện các khoản thu: Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, Quỹ đoàn, đội; Quỹ Hội chữ thập đỏ và Quỹ Khuyến học được thực hiện theo hướng dẫn của các tổ chức, hội với mức thu đảm bảo theo hướng dẫn của các tổ chức, hội.

*Qua kiểm tra cho thấy:*

- Một số chứng từ chi từ các quỹ hội hồ sơ thanh toán kèm chứng từ chi chưa đầy đủ chữ ký, hồ sơ kèm theo theo quy định theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

<sup>9</sup> Quyết định số 91/QĐ-THPTTG2 ngày 26/9/2021 về việc công khai thu, chi tiền DTHT năm học 2021 - 2022; Quyết định số 97/QĐ-THPTTG2 ngày 17/9/2022 về việc công khai thu, chi tiền DTHT năm học 2022 - 2023; Quyết định số 94<sup>A</sup>/QĐ-THPTTG2 ngày 26/9/2023 về việc công khai thu, chi tiền DTHT năm học 2023 - 2024; Quyết định số 98/QĐ-THPTTG2 ngày 10/9/2024 về việc công khai thu, chi tiền DTHT năm học 2024 - 2025.

- Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh trường: Một số khoản chi chưa đúng theo hướng dẫn của Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh như: Chi phụ huynh thuê xe đưa học sinh dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh; hỗ trợ tiền cho học sinh thi tốt nghiệp THPT....

## **6. Công tác vận động xã hội hóa giáo dục**

Nhà trường đã triển khai vận động xã hội hóa giáo dục (XHHGD) thông qua các hội nghị nhà trường và Hội cha mẹ học sinh. Trường có tờ trình xin chủ trương được huy động XHHGD và được Sở GD&ĐT chấp thuận.

- Năm 2021 (Năm học 2021-2022): Nhà trường tiếp nhận công trình “Nâng cấp, cải tạo khuôn viên nhà trường năm học 2021-2022” giá trị: 373.194.000 đồng do Ban chấp hành hội cha mẹ học sinh trường tài trợ (tài trợ bằng hiện vật).

- Năm 2022 (Năm học 2022-2023): Tổng kinh phí vận động tài trợ số tiền 182.200.000 đồng, Nhà trường tổ chức thực hiện vào năm học 2023-2024.

- Năm 2023 (Năm học 2023-2024): Sử dụng kinh phí tài trợ năm học 2022-2023 để mua sắm, lắp đặt thiết bị dạy học (20 bộ máy tính) với tổng giá trị: 171.047.000 đồng.

- Năm 2024: Tiếp nhận tài trợ hiện vật (22 ti vi và 22 bảng trượt) của các bậc phụ huynh trong nhà trường với tổng giá trị 355.368.000 đồng; Sử dụng kinh phí tài trợ năm học 2022-2023 mua sắm thiết bị giá trị: 10.953.000 đồng.

- Năm 2025: Nhà trường không vận động XHHGD.

### ***Qua kiểm tra cho thấy:***

- Nhà trường đã thành lập Tổ tiếp nhận tài trợ đối với các khoản tài trợ bằng tiền, có mở sổ kế toán để theo dõi chi tiết và mở tài khoản tại Ngân hàng để quản lý, theo dõi theo quy định tại Điều 6 Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Tuy nhiên việc quản lý, sử dụng tài trợ còn một số tồn tại, cụ thể:

- Đối tượng tài trợ thể hiện là Ban chấp hành hội cha mẹ học sinh nhà trường (năm 2021) và đại diện phụ huynh các lớp (năm 2024) là chưa đúng quy định theo điểm b khoản 4 Điều 10 điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT<sup>10</sup>.

- Sau khi tiếp nhận tài trợ, Nhà trường chưa lập kế hoạch sử dụng tài trợ là không đúng quy định tại Điều 7 Thông tư Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT (năm học 2022-2023, 2023-2024); Sử dụng kinh phí tài trợ chưa đúng Kế hoạch đã được Sở GD&ĐT chấp thuận (năm học 2023-2024)

<sup>10</sup> Điểm b mục 4 điều 10 điều lệ ban hành kèm thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 “Các khoản ủng hộ không phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Bảo vệ cơ sở vật chất của nhà trường, bảo đảm an ninh nhà trường; trông coi phương tiện tham gia giao thông của học sinh; vệ sinh lớp học, vệ sinh trường; khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường; mua sắm máy móc, trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho trường, lớp học hoặc cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường; hỗ trợ công tác quản lý, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình của nhà trường”.

là không đúng theo điều 5 Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT; Sau khi tiếp nhận tài trợ, Nhà trường chưa mở sổ theo dõi tài sản để quản lý và theo dõi, Không ghi tăng tài sản là không đúng quy định tại điều 7 Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT và khoản 1 Điều 59 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017.

## **C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

#### **1. Ưu điểm**

Nhà trường đã ban hành văn bản triển khai, thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên; tổ chức thực hiện công tác kiểm tra nội bộ trường học theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT; Nhà trường đã sử dụng nguồn vận động XHH cơ bản đảm bảo theo nội dung Kế hoạch vận động và Kế hoạch quản lý, sử dụng nguồn vận động XHH đã đề ra.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, xây dựng dự toán, công khai dự toán, quyết toán. Thực hiện thu, chi cơ bản theo các tiêu chuẩn, định mức của nhà nước, ngành và quy chế chi tiêu nội bộ, thanh toán đầy đủ, kịp thời các chế độ con người, nghiệp vụ phát sinh đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường.

#### **2. Những hạn chế, khuyết điểm, vi phạm**

##### **2.1. Công tác chỉ đạo, ban hành văn bản**

Nhà trường ban hành Thông báo các khoản thu đầu năm chưa dẫn chiếu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường.

##### **2.2. Công tác quản lý, thu chi tài chính**

- Nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ chưa có ý kiến thống nhất của tổ chức Công đoàn; chưa báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (Sở GD&ĐT) trước khi ban hành; còn áp dụng các văn bản đã hết hiệu lực; chưa quy định việc trích lập và sử dụng các quỹ; quy định sử dụng kinh phí tiết kiệm chưa đúng hướng dẫn tại điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Nhà trường chưa thực hiện trích lập đầy đủ nguồn cải cách tiền lương và trích lập các quỹ chưa đúng quy định theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; chưa theo dõi và hạch toán nguồn cải cách tiền lương đầy đủ trên tài khoản 468. Nguồn cải cách tiền lương qua các năm Nhà trường còn phải trích lập số tiền 8.313.518 đồng. Sử dụng Quỹ phúc lợi để chi cho một số nội dung chưa phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 18 và khoản 2 Điều 14 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Chưa thực hiện nộp thuế từ khoản thu dịch vụ trông giữ xe số tiền 36.922.000 đồng. Chánh thanh tra đã có Quyết định thu hồi số tiền trên về tài khoản chờ xử lý của Thanh tra tỉnh. Đơn vị đã nộp đủ.

##### **2.3. Công tác nghiệp vụ kế toán, thực hiện công khai tài chính**

- Hàng năm nhà trường chưa in sổ kế toán tổng hợp ra bản giấy và lưu trữ theo quy định khoản 5 Điều 5 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và khoản 3, phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Nhà trường chưa thực hiện công khai báo cáo tài chính theo quý, 6 tháng; chưa thực hiện công khai tài chính qua cổng thông tin điện tử theo quy định tại Điều 3, Điều 5, Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

#### **2.4. Thực hiện và quản lý thu, chi tài chính**

- Nhà trường rút thừa kinh phí cần phải nộp hoàn trả NSNN số tiền 208.993.000 đồng (gồm: Kinh phí do giảm biên năm 2023 số tiền 198.563.000 đồng, năm 2024 số tiền 10.430.000 đồng). Chưa báo cáo Sở GD&ĐT làm thủ tục hủy dự toán đối với số tiền 184.229.781 đồng (gồm: kinh phí giảm biên chế năm 2025: 143.086.281 đồng; Kinh phí cấp bù học phí 17.887.500 đồng; Học sinh khuyết tật 15.456.000 đồng và kinh phí hỗ trợ chi phí học tập 7.800.000 đồng) do đã hết nhiệm vụ chi.

- Nhà trường chưa gửi tiền thu được từ nguồn thu dịch vụ: Học thêm, gửi xe vào tài khoản tài khoản ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước là chưa đúng theo quy định.

- Nhà trường lập danh sách tổng hợp học sinh tham gia BHYT các năm học chưa đúng mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020 của BHXH Việt Nam; chưa lập báo cáo quyết toán kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định tại Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ.

- Nhà trường thanh toán chi bằng tiền mặt một số khoản cho cá nhân là chưa đúng quy định; Một số hồ sơ mua sắm, sửa chữa tài sản chưa tuân thủ đầy đủ, trình tự theo quy định của Luật Đấu thầu 2013 và Luật Đấu thầu 2023 như: Chưa đăng tải thông tin đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Chưa thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Một số chứng từ thanh toán chưa đúng quy định Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp như: thiếu bảng kê mua hàng hoá, tờ trình xin kinh phí, biên bản kiểm tra hiện trạng, giấy báo giá; chưa đầy đủ chữ ký.

- Đối tượng tài trợ XHHGD thể hiện là Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường (năm 2021) và đại diện phụ huynh các lớp (năm 2024) là không đúng quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BTGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT; Nhà trường sử dụng tài trợ chưa đúng chủ trương đã được chấp thuận của Sở GD&ĐT và quy định tại Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

### **3. Trách nhiệm**

Để xảy ra các khuyết điểm, vi phạm trên thuộc về Hiệu trưởng nhà trường; các Phó hiệu trưởng phụ trách lĩnh vực liên quan; Kế toán nhà trường trong công

tác tham mưu, quản lý tài chính và thực hiện nghiệp vụ kế toán; các bộ phận chuyên môn trong việc tham mưu, đề xuất thực hiện.

## **II. KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với Trường THPT Tỉnh Gia 2**

- Tiến hành kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến khuyết điểm, vi phạm; đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời những khuyết điểm, vi phạm đã chỉ ra trong kết luận thanh tra.

- Thực hiện nghiêm túc việc rút kinh phí tại KBNN tránh việc rút thừa phải nộp hoàn trả NSNN; nộp hoàn trả NSNN số tiền 208.993.000 đồng; Báo cáo Sở Giáo dục & Đào tạo làm thủ tục hủy dự toán đối với số tiền 184.229.781 đồng. Trích lập kinh phí cải cách tiền lương và các quỹ theo đúng quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Chấp hành nghiêm túc các quy trình mua sắm và cải tạo sửa chữa, nhất là việc đăng tải đầy đủ thông tin mời thầu, lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo quy định;

- Thực hiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ XHHGD theo đúng quy định tại Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường chấm dứt việc thu, chi các khoản không đúng theo quy định.

- Thực hiện công tác quản lý và sử dụng tài chính đúng quy định: Chấm dứt việc thanh toán dùng tiền mặt đối với các khoản chi mang tính chất cá nhân theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; thực hiện công khai, minh bạch về tài chính đúng quy định; Chấn chỉnh, thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục thanh toán đảm bảo hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp pháp, hợp lệ.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định.

### **2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo.**

- Chỉ đạo Trường THPT Tỉnh Gia 2: Triển khai thực hiện nghiêm túc kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh; đồng thời, kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân để xảy ra khuyết điểm, sai phạm.

- Có biện pháp xử lý dứt điểm đối với việc nộp hoàn trả NSNN kinh phí giảm biên chế tại Trường THPT Tỉnh Gia 2; Thực hiện hủy dự toán năm 2026 đối với số tiền 184.229.781 đồng (như kết luận).

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, chỉ đạo, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tại Trường THPT Tỉnh Gia 2.

### **3. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh.**

Ban hành văn bản chỉ đạo Sở Giáo dục - Đào tạo yêu cầu Trường THPT Tỉnh Gia 2 thực hiện nghiêm túc kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh; báo cáo kết quả thực hiện với Sở Giáo dục và Đào tạo và Thanh tra tỉnh, trước ngày 28/4/2026, để theo dõi, xử lý sau thanh tra.

## **III. THỰC HIỆN KẾT LUẬN VÀ CÔNG KHAI KẾT LUẬN THANH TRA**

Việc tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định tại điều 54 Luật Thanh tra; công khai Kết luận thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025: Công khai trước đối tượng thanh tra và công khai trên cổng thông tin điện tử của Thanh tra tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Chánh Thanh tra tỉnh (để b/c);
- Ban Nội chính TU (để p/h);
- UBKT Tỉnh ủy (để p/h);
- Sở GD&ĐT (để p/h);
- Trường THPT Tỉnh Gia 2 (để t/h);
- Phòng NV 9 (để xử lý STT);
- Phòng NV 2 (để tổng hợp);
- Lưu: VT, P5, ĐTTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

**Phạm Xuân Dũng**

## PHỤ LỤC I

ĐVT: đồng

\* Nguồn cải cách tiền lương

Năm	Nguồn còn phải trích năm trước	Số phải trích năm nay	Số đã trích	Số còn phải trích
Năm 2021	375.250.549	417.871.745	141.154.914	651.967.380
Năm 2022	651.967.380	216.547.389	352.526.738	515.988.031
Năm 2023	515.988.031		733.596.810	-
Năm 2024	-	8.313.518		8.313.518
Năm 2025	8.313.518	280.000.000	280.000.000	8.313.518

\* Việc trích lập các quỹ

TT	Nội dung	Dư ĐK	PS tăng	PS giảm	Dư CK
<b>I</b>	<b>Năm 2021</b>				
1	Quỹ khen thưởng		230.180.000	230.180.000	
2	Quỹ phúc lợi		449.550.000	449.550.000	
3	Quỹ PTHĐ sự nghiệp		89.259.000	89.259.000	
	<b>Tổng</b>		<b>768.989.000</b>	<b>768.989.000</b>	
<b>II</b>	<b>Năm 2022</b>				
1	Quỹ khen thưởng		280.100.000	280.100.000	
2	Quỹ phúc lợi		296.850.000	296.370.000	480.000
3	Quỹ PTHĐ sự nghiệp				
	<b>Tổng</b>		<b>576.950.000</b>	<b>576.470.000</b>	<b>480.000</b>
<b>III</b>	<b>Năm 2023</b>				
1	Quỹ khen thưởng		198.730.000	198.730.000	
2	Quỹ phúc lợi	480.000	293.850.000	294.330.000	
3	Quỹ PTHĐ sự nghiệp	0	123.597.433	98.210.000	25.387.433
	<b>Tổng</b>	<b>480.000</b>	<b>616.177.433</b>	<b>591.270.000</b>	<b>25.387.433</b>
<b>IV</b>	<b>Năm 2024</b>				
1	Quỹ khen thưởng	0	161.300.000	161.300.000	
2	Quỹ phúc lợi	0	409.783.794	409.783.794	
3	Quỹ PTHĐ sự nghiệp	25.387.433		25.387.433	
	<b>Tổng</b>	<b>25.387.433</b>	<b>571.083.794</b>	<b>596.471.227</b>	
<b>V</b>	<b>Năm 2025</b>				
1	Quỹ khen thưởng	0	59.980.000	59.980.000	
2	Quỹ phúc lợi	0	364.550.000	364.550.000	
3	Quỹ PTHĐ sự nghiệp				
	<b>Tổng</b>		<b>424.530.000</b>	<b>424.530.000</b>	

**PHỤ LỤC II**  
**BẢNG TỔNG HỢP THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

*ĐVT: đồng*

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
<b>1</b>	<b>Kinh phí năm trước chuyển sang</b>	<b>0</b>				
<b>2</b>	<b>KP dự toán được giao trong năm</b>	<b>12.175.367.000</b>	<b>12.290.449.000</b>	<b>12.527.954.000</b>	<b>17.007.504.000</b>	<b>20.909.504.000</b>
	- Kinh phí thường xuyên	11.553.000.000	11.456.000.000	11.797.000.000	15.789.416.000	17.835.402.000
	- Kinh phí không thường xuyên	622.367.000	834.449.000	730.954.000	1.218.088.000	3.074.102.000
<b>3</b>	<b>KP được sử dụng trong năm</b>	<b>12.175.367.000</b>	<b>12.290.449.000</b>	<b>12.527.954.000</b>	<b>17.007.504.000</b>	<b>20.909.504.000</b>
	- Kinh phí thường xuyên	11.553.000.000	11.456.000.000	11.797.000.000	15.789.416.000	17.835.402.000
	- Kinh phí không thường xuyên	622.367.000	834.449.000	730.954.000	1.218.088.000	3.074.102.000
<b>4</b>	<b>KP được thực nhận trong năm</b>	<b>12.175.367.000</b>	<b>12.290.449.000</b>	<b>12.512.199.000</b>	<b>16.925.780.551</b>	<b>20.909.504.000</b>
	- Kinh phí thường xuyên	11.553.000.000	11.456.000.000	11.797.000.000	15.729.416.000	17.835.402.000
	- Kinh phí không thường xuyên	622.367.000	834.449.000	715.199.000	1.196.364.551	3.074.102.000
<b>5</b>	<b>KP đề nghị quyết toán</b>	<b>12.008.296.200</b>	<b>12.075.218.000</b>	<b>12.311.811.000</b>	<b>16.915.350.551</b>	<b>20.598.928.167</b>
	- Kinh phí thường xuyên	11.429.375.200	11.314.930.000	11.598.437.000	15.718.986.000	17.620.315.719
	- Kinh phí không thường xuyên	578.921.000	760.288.000	713.374.000	1.196.364.551	2.978.612.448
<b>6</b>	<b>KP hủy dự toán (KP không thường xuyên)</b>		<b>13.826.000</b>	<b>15.755.000</b>	<b>21.723.449</b>	
<b>7</b>	<b>Kinh phí giảm trong năm</b>	<b>167.070.800</b>	<b>201.405.000</b>	<b>200.388.000</b>	<b>70.430.000</b>	<b>310.575.833</b>

**PHỤ LỤC III**  
**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN THU, CHI THEO QUY ĐỊNH, THU KHÁC**

*ĐVT: đồng*

TT	Năm	Dư đầu năm	Thu	Chi	Dư cuối kỳ
<b>I. Học phí</b>					
1	Năm 2021	137.580.051	1.044.588.363	1.041.043.500	141.124.914
2	Năm 2022	141.124.914	1.638.003.918	1.426.602.094	352.526.738
3	Năm 2023	352.526.738	1.548.320.000	1.894.820.469	6.026.269
4	Năm 2024	6.026.269	474.665.000	480.691.269	
5	Năm 2025		1.527.250.500	828.022.528	699.227.972
<b>II. Trông giữ phương tiện giao thông</b>					
1	Năm 2021		94.520.000	94.520.000	
2	Năm 2022		96.400.000	2.892.000	93.508.000
3	Năm 2023	93.508.000		86.500.000	7.008.000
4	Năm 2024	7.008.000	88.700.000	95.708.000	
5	Năm 2025		89.600.000	87.188.000	2.412.000
	<b>Tổng</b>	<b>100.516.000</b>	<b>369.220.000</b>	<b>366.808.000</b>	<b>102.928.000</b>
<b>III. Dạy thêm, học thêm</b>					
1	Năm 2021		3.178.162.000	3.178.162.000	
2	Năm 2022		3.447.203.000	3.393.014.352	54.188.648
3	Năm 2023	54.188.648	6.253.184.000	6.306.172.484	1.200.164
4	Năm 2024	1.200.164	4.764.158.000	4.765.358.164	
5	Năm 2025		519.764.000	519.764.000	
<b>IV. Lệ phí tuyển sinh</b>					
1	Năm 2021		56.490.000	56.490.000	
2	Năm 2022		81.619.000	81.619.000	
3	Năm 2023		140.750.000	140.750.000	
4	Năm 2024		140.640.000	140.640.000	
5	Năm 2025		132.300.000	132.300.000	
<b>V. Nước uống</b>					
1	Năm 2021		42.270.000	42.270.000	
2	Năm 2022		98.210.000	98.210.000	
3	Năm 2023				
4	Năm 2024		95.270.000		
5	Năm 2025		96.460.000		

<b>VI. Số liên lạc điện tử</b>					
1	Năm 2021		47.450.000	47.450.000	
2	Năm 2022		70.150.000	70.150.000	
3	Năm 2023		68.050.000	68.050.000	
4	Năm 2024		63.100.000	63.100.000	
5	Năm 2025		70.900.000	66.850.000	4.050.000
<b>VII. Học phẩm thi, kiểm tra</b>					
1	Năm 2021				
2	Năm 2022				
3	Năm 2023				
4	Năm 2024				
5	Năm 2025		48.240.000	12.523.000	35.717.000